

# PHÂN TÍCH CÁC QUAN ĐIỂM CỦA TRƯỜNG PHÁI TÂM LÝ HỌC NHẬN THỨC, TÂM LÝ HỌC NHÂN VĂN VÀ RÚT RA NHỮNG NGUYÊN TẮC VẬN DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC NGƯỜI HỌC

● PHAN Y LAN

## TÓM TẮT:

Để quá trình giảng dạy tại các trường học được hiệu quả, việc nắm bắt được tâm lý và nhu cầu, mong muốn của người học là vô cùng quan trọng. Nghiên cứu về các quá trình học tập, từ quan điểm nhận thức và hành vi, cho phép các nhà nghiên cứu hiểu được sự khác biệt cá nhân trong trí thông minh, phát triển nhận thức, ảnh hưởng, động lực, khả năng tự điều chỉnh cũng như vai trò của các yếu tố này trong việc học tập. Tâm lý học giáo dục đã được xây dựng dựa trên các lý thuyết về điều hòa hoạt động, chủ nghĩa chức năng, chủ nghĩa cấu trúc, chủ nghĩa xây dựng, tâm lý học nhận thức, tâm lý học nhân văn, tâm lý học Gestalt và xử lý thông tin. Bài viết này sẽ tập trung phân tích về 2 học thuyết tâm lý học nhận thức (điển hình là thuyết nhận thức của Jean Piaget) và học thuyết tâm lý học nhân văn (điển hình là thuyết nhu cầu của Abraham Maslow) và rút ra những nguyên tắc vận dụng trong quá trình giáo dục người học.

**Từ khóa:** tâm lý học nhận thức, tâm lý học nhân văn, học thuyết Piaget, tháp nhu cầu Maslow, giáo dục.

## 1. Đặt vấn đề

Tâm lý học xuất hiện từ khi loài người bắt đầu có ý thức. Đây là ngành khoa học nghiên cứu hành vi, tinh thần và tư tưởng của con người (cụ thể đó là những cảm xúc, ý chí và hành động). Tâm lý học cũng chú tâm đến sự ảnh hưởng của hoạt động thể chất, trạng thái tâm lý và các yếu tố bên ngoài lên hành vi và tinh thần của con người; sử dụng và tiếp thu kiến thức thu thập được từ nhiều ngành khoa học khác để hiểu và lý giải hành vi của con người. Vì vậy, việc ứng dụng tâm lý học trong dạy học vô cùng quan trọng, không những tạo hiệu quả tốt nhất trong giảng dạy mà còn là nền tảng để phát triển tâm lý cho người học. Trong đó, đặc biệt kể đến hai

trường phái tâm lý học nhận thức và tâm lý học nhân văn với những quan điểm tiến bộ cùng sự đóng góp của các nhà tâm lý học tiêu biểu như Jean Piaget, Abraham Maslow... đã thể hiện được vai trò cũng như tính ứng dụng của các trường phái tâm lý học này trong quá trình giáo dục và đào tạo người học.

Vì vậy, việc ứng dụng tâm lý học trong dạy học vô cùng quan trọng, không những tạo hiệu quả tốt nhất trong giảng dạy mà còn là nền tảng để phát triển tâm lý cho người học.

## 2. Khái quát chung về tâm lý học nhận thức và tâm lý học nhân văn

### 2.1. Tâm lý học nhận thức [1]

*Theo từ điển triết học:* Nhận thức là quá trình tái tạo hiện thực ở trong tư duy của con người, được quyết định bởi quy luật phát triển xã hội và gắn liền cũng như không thể tách rời khỏi thực tiễn, nó phải là mục đích của thực tiễn, phải hướng tới chân lý khách quan.

*Theo cuốn "Giải thích thuật ngữ Tâm lý - Giáo dục học":* "Nhận thức là toàn bộ những quy trình mà nhờ đó những đầu vào cảm xúc được chuyển hóa, được mã hóa, được lưu trữ và sử dụng. Hiểu nhận thức là một quy trình, nghĩa là nhờ có quy trình đó mà cảm xúc của con người không mất đi, nó được chuyển hóa vào đầu óc con người, được con người lưu trữ và mã hóa... Như vậy, nhận thức có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống và hoạt động của con người, là thành phần không thể thiếu trong sự phát triển của con người. Nhận thức là cơ sở để con người nhận biết thế giới và hiểu biết thế giới đó, từ đó con người có thể tác động vào thế giới đó một cách phù hợp nhất, để đem lại hiệu quả cao nhất cho con người.

Tóm lại, nhận thức là cơ sở, là nền tảng cho mọi sự hiểu biết của con người, nếu không có nhận thức thì con người sẽ mãi mãi ở trạng thái của một đứa trẻ sơ sinh. Nhờ có nhận thức mà con người mới có thể cải tạo được thế giới xung quanh và cao hơn nữa là con người có thể cải tạo được chính bản thân mình, phục vụ được nhu cầu của chính mình.

*Tâm lý học nhận thức:* Tâm lý học nhận thức là một phân ngành của tâm lý học. Tâm lý học nhận thức khác với Tâm lý học đại cương là nó phân chia

các hiện tượng tâm lý thành tư duy, tình cảm, mong muốn, là một phân ngành nghiên cứu quá trình nhận ra và hiểu biết (ví dụ: tri giác, tư duy, trí thông minh).

Tâm lý học nhận thức là môn khoa học nghiên cứu về các quá trình nhận thức và các cấu trúc của nhận thức để tìm ra bản chất quá trình nhận thức của con người, trong đó; (1) Tâm lý học nhận thức trả lời cho câu hỏi: Nhận thức của con người là gì? bản chất, sản phẩm của nó?; (2) Tâm lý học nhận thức chỉ rõ thành phần cấu trúc của nhận thức, bản chất của các thành phần cấu trúc và chỉ ra cái chung giữa chúng; (3) Tâm lý học nhận thức chỉ rõ đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

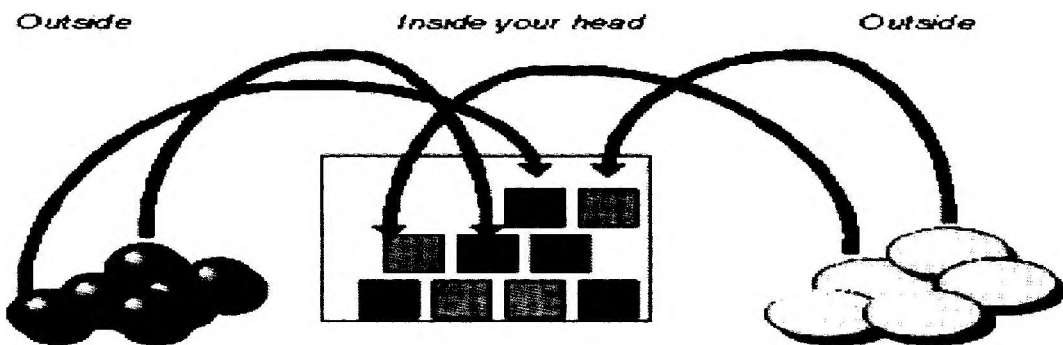
*Nội dung của Tâm lý học nhận thức*

- Nghiên cứu các quá trình nhận thức nói chung (cảm giác, tri giác, trí nhớ và tư duy,...)
- Nghiên cứu các quy luật đặc trưng của sự tiếp thu, xử lý và sử dụng thông tin.
- Nghiên cứu xem con người đã thu thập, tích lũy và tái tạo những thông tin như thế nào? Quá trình lưu giữ các thông tin trong trí nhớ diễn ra như thế nào?
- Nghiên cứu trí thông minh và quan hệ của nó với các hiện tượng tâm lý khác.

*Học thuyết Tâm lý học nhận thức của Piaget [2]*

- Chúng ta không sống để suy nghĩ, chúng ta suy nghĩ để có thể thành công trong tồn tại.
- Mọi cơ thể đều có xu thế thích nghi với môi trường. Tổ chức và thích nghi là hai quá trình của cùng một cơ thể, bổ sung cho nhau.

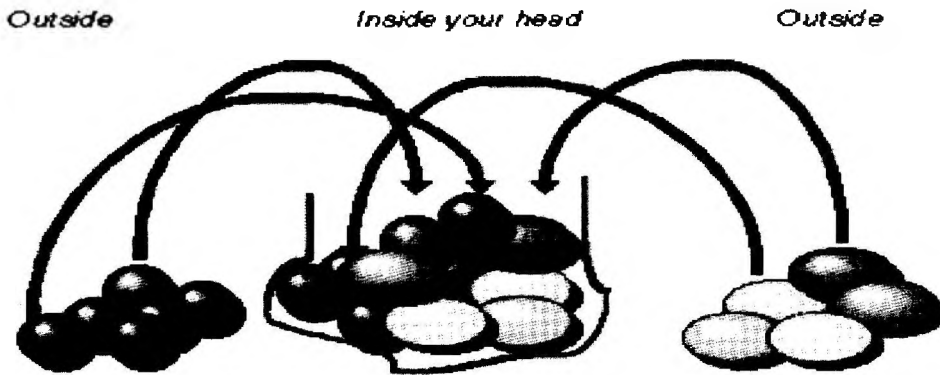
**Hình 1: Quá trình đồng hóa**



**Assimilation: fit practice to theory**

Complex but familiar external objects are simplified to fit pre-existent categories in your head

Hình 2: Quá trình điều ứng



**Accommodation:  
fit theory to practice**

You have to change the ideas in your head to fit the realities of external objects

- Thích nghi bao hàm 2 quá trình bổ sung cho nhau: đồng hóa và điều ứng.

- Đồng hóa và điều ứng là 2 quá trình thuận nghịch, cân bằng động.

+ Quá trình đồng hóa - assimilation (khớp thực tiễn với lý thuyết là quá trình tiếp nhận thông tin mới bằng sự hợp nhất nguồn thông tin mới với các cấu trúc có sẵn mà không làm thay đổi chúng). (Hình 1)

+ Quá trình điều ứng - accommodation (khớp lý thuyết với thực tiễn) là sự thay đổi một cấu trúc tinh thần để thu thông tin mới vào. Dị hóa ngược lại là sự thay đổi các biểu đồ đã có để tích hợp kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới. (Hình 2)

**2.2. Tâm lý học nhân văn [4]**

Tâm lý học nhân văn hay còn được gọi là tâm lý học lực lượng thứ ba kết hợp 2 triết học lãng mạn và hiện sinh, sự kết hợp này được gọi là Tâm lý học nhân văn. Tâm lý học lực lượng thứ ba và Tâm lý học nhân văn cũng là một, nhưng ngày nay tâm lý học nhân văn đã trở thành tên gọi phổ biến hơn.

Vào đầu thập niên 1960, một nhóm nhà triết học do Abraham Maslow cầm đầu đã khởi xướng một phong trào được mệnh danh là tâm lý học lực lượng thứ ba.

Các nhà triết học này cho rằng trường phái hành vi và trường phái phân tâm học đã bỏ quên một số thuộc tính quan trọng của con người. Cái thiếu sót ở đây là những thông tin có thể giúp ta làm cho những người bình thường trở nên mạnh khỏe hơn, nghĩa là giúp họ đạt hết mức tiềm năng của họ.

Điều cần thiết có một mô hình về con người nhân mạnh tính độc đáo của họ và các khía cạnh tích cực hơn là tiêu cực của họ. Mặc dù tâm lý học lực lượng thứ ba phổ biến trong các thập niên 1970 và 1980, nhưng lại bắt đầu mờ nhạt trong thập niên 1980. Tuy nhiên, giống như thuyết hành vi và phân tâm học, tâm lý học lực lượng thứ ba vẫn tiếp tục có ảnh hưởng lớn trong tâm lý học hiện đại.

*Các trường phái của tâm lý học nhân văn:*

*a. Thuyết nhu cầu của Abraham Maslow [4]*

Abraham (Harold) Maslow (1908-1970) là một trong những nhà tiên phong người Mỹ trong trường phái "Tâm lý học nhân văn". Vào năm 1943, ông đã phát triển lý thuyết về Thang bậc nhu cầu hay còn gọi là Tháp Nhu Cầu.

Tháp Nhu Cầu là một trong những học thuyết nổi tiếng nhất về động lực và được áp dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực từ kinh doanh cho đến marketing, nhân sự hay trong chính cuộc sống của mỗi con người. Trong lý thuyết này, Maslow sắp xếp các nhu cầu của con người theo một hệ thống trật tự dưới dạng hình kim tự tháp, các nhu cầu căn bản ở tầng nền và các nhu cầu ở mức độ cao hơn muốn xuất hiện thì các nhu cầu ở mức độ căn bản đó phải được thỏa mãn trước.

Quá trình hình thành và phát triển Tháp Nhu Cầu có thể được chia ra 2 giai đoạn chính. Ở thời điểm ban đầu, Maslow đã sắp xếp các nhu cầu của con người theo 5 cấp bậc. Sau đó, vào khoảng những năm 1970-1990, sự phân cấp của Tháp Nhu Cầu

Hình 3: Tháp nhu cầu của Maslow



được hiệu chỉnh chuyên sâu hơn thành 7 bậc và cuối cùng là 8 bậc.

Tuy nhiên ngày nay, để dễ dàng hiểu và áp dụng lý thuyết của Maslow vào thực tế, tháp nhu cầu 5 bậc được sử dụng phổ biến hơn. (Hình 3)

- Tầng thứ nhất: Các nhu cầu căn bản thuộc về “thể lý” (physiological) - thức ăn, nước uống, nơi trú ngụ, tình dục, bài tiết, thở, nghỉ ngơi.

- Tầng thứ hai: Nhu cầu an toàn (safety) - cần có cảm giác yên tâm về an toàn thân thể, việc làm, gia đình, sức khỏe, tài sản được đảm bảo.

- Tầng thứ ba: Nhu cầu được giao lưu tình cảm và được trực thuộc (love/belonging) - muốn được trong một nhóm cộng đồng nào đó, muốn có gia đình yên ấm, bạn bè thân hữu tin cậy.

- Tầng thứ tư: Nhu cầu được quý trọng, kính mến (esteem) - cần có cảm giác được tôn trọng, kính mến, được tin tưởng.

- Tầng thứ năm: Nhu cầu về tự thể hiện bản thân cường độ cao (self - actualization) - muốn sáng tạo, được thể hiện khả năng, thể hiện bản thân, trình diễn mình, có được và được công nhận là thành đạt.

*b. Thuyết của Roger về nhân cách*

Theo yêu cầu của nhiều người, Rogers đã triển khai một lý thuyết về nhân cách để cắt nghĩa các hiện tượng ông đã quan sát trong tiến trình điều trị. Các yếu tố cơ bản của lý thuyết của ông được trình bày lần đầu tiên trong bài diễn thuyết ông đọc khi nhận chức Chủ tịch APA (1947) và sau này được mở rộng trong cuốn Trị liệu dựa vào khách hàng (1951).

Giống như Maslow, Roger giả thuyết có một động cơ bẩm sinh nơi con người hướng tới sự tự thể hiện mình. Và nếu người ta lấy khuynh hướng tự thể hiện này làm tiêu chuẩn sống, có nhiều khả năng họ sẽ thể hiện đời sống một cách sung mãn và cuối cùng đạt hết tiềm năng của họ.

Ta gọi những người như thế là những người sống theo quá trình đánh giá hữu cơ. Sử dụng quy trình này, người ta đạt tới và duy trì được các kinh nghiệm phù hợp với khuynh hướng tự thể hiện nhưng ngăn chặn và tránh được các kinh nghiệm không phù hợp với khuynh hướng ấy.

**3. Vận dụng tâm lý học nhận thức và tâm lý học nhân văn trong quá trình giáo dục người học**

**3.1. Vận dụng tâm lý học nhận thức trong giáo dục [2]**

Thuyết nhận thức của Piaget được vận dụng vào thực tiễn dưới tên gọi “thuyết kiến tạo” và thuyết nói rằng mục đích của dạy học không chỉ là truyền thụ kiến thức mà chủ yếu là làm thay đổi hoặc phát triển các quan niệm của người học, qua đó người học kiến tạo kiến thức mới, đồng thời phát triển trí tuệ và nhân cách của mình. Khi áp dụng thuyết này trong thực tế cần hiểu các đặc điểm của nó và rút ra các quy trình khi thực hiện như sau.

*Đặc điểm của dạy học theo thuyết kiến tạo:*

- Sinh viên phải là chủ thể tích cực xây dựng nên kiến thức cho bản thân dựa trên những kiến thức hoặc kinh nghiệm đã có. Giảng viên chỉ là người tổ chức, điều khiển.

- Tăng cường việc dạy và học hợp tác, dạy học khám phá - phát hiện.

- Bồi dưỡng khuyến khích người học tự học, tự khám phá - phát hiện và giải quyết vấn đề.

*Mô hình dạy học theo lối kiến tạo, gồm các pha chính sau đây:*

- Tri thức
- Dự đoán (trước khi tiếp cận tình huống mới)
- Kiểm nghiệm (thử sai)
- Điều chỉnh
- Tri thức mới

*Qui trình của việc dạy học kiến tạo bao gồm các bước như sau:*

- Ôn tập, tái hiện
- Nêu vấn đề (có thể từ người dạy hoặc người học)
- Tập hợp các ý tưởng của người học, so sánh các ý tưởng đó và đề xuất một ý tưởng chung của cả lớp hoặc nhóm
- Dự đoán (đề xuất giả thuyết)
- Người học kiểm tra giả thuyết (thử sai)
- Người học phân tích kết quả, trình bày cho nhóm hoặc cả lớp
- Rút ra kết luận chung (tri thức mới)

*Hãy sử dụng các ý tưởng kiến tạo trong thực tế với các chiến lược giao thoa sau:*

- Dạy bằng cách hỏi chứ không dạy bằng cách kể. Dĩ nhiên người học cần có sự giúp đỡ để đi tới câu trả lời đúng. Học bằng cách trả lời câu hỏi vừa giúp người học cách lập luận và cách tạo ra ý nghĩa riêng cho mình. Đây được gọi là sự khám phá có hướng dẫn.

- Nêu những câu hỏi có trình độ cao vừa sức, đòi hỏi người học suy nghĩ

- Ra những bài tập đòi hỏi có tư duy sáng tạo.

- Yêu cầu người học giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định, hình thành ý kiến, tham gia thiết kế hoặc công việc sáng tạo.

### **3.2. Vận dụng tâm lý nhân văn trong giáo dục**

Trường phái nhân văn mà điển hình là thuyết nhu cầu của Maslow là thoả mãn nhu cầu tình cảm của người học.

- Các yếu tố tình cảm, sự trưởng thành và phát triển của cá thể là những giá trị cao nhất

- Xã hội và nhà trường tồn tại để thoả mãn nhu cầu của cá nhân người học chứ không phải để mang lại cho họ sự sợ hãi.

- Người học cần được phép theo đuổi những quan tâm và tài năng riêng của mình để tự phát triển

đến mức tối đa theo phương thức độc nhất của riêng mình.

Người học cần tự định hướng cho mình

- Người dạy giúp cho mỗi người học lựa chọn những kiến thức và kỹ năng họ muốn học, thương lượng một “giao kèo học tập” hoặc một “kế hoạch hoạt động” cho phù hợp với nhu cầu của cá nhân đó.

- Sự lựa chọn sẽ đảm bảo lời cuốn được “cái tôi” trong các nhiệm vụ học tập và học sinh sẽ được động viên mạnh mẽ do được theo đuổi những quan tâm và sự tò mò của mình.

*Người học cần chịu trách nhiệm về tự học của bản thân*

- Cũng như trong việc lựa chọn phong cách và nội dung học tập, người học được khuyến khích chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc học đó. Nên để người học tự đánh giá hơn là giáo viên đánh giá.

- Bản thân việc tự đánh giá đã là một kỹ năng cốt yếu để làm việc và để học. Nó khuyến khích người học chịu trách nhiệm tự làm nên sự tiến bộ và là con đường dẫn tới trình độ tuyệt vời trong bất cứ lĩnh vực nào.

- Đừng biến những bài thi hay kiểm tra thành những tình huống đe dọa học sinh. Sẽ không có hiệu quả khi học trong tình huống đe dọa.

- Người học cần được động viên bởi mong muốn thành công, khám phá, phát triển và nâng cao trình độ chứ không phải bởi nỗi lo sợ thất bại.

- Nên áp dụng chủ trương “không qui trách nhiệm” đối với các sai sót, coi sai sót là cái tất yếu và là một cơ hội để học.

- Người học cần được phép tự trình bày sự đánh giá một khi họ đã sẵn sàng hơn là vào một thời điểm định sẵn, và họ cần có thời gian để cải tiến công việc của mình nếu họ chưa đạt tiêu chuẩn đánh giá.

*Nhu cầu và phương pháp dạy học thoả mãn nhu cầu*

- Mọi người học đều cảm thấy mình cần được coi trọng, chấp nhận và qui tụ. Cần tiến hành hoạt động nhóm (để thoả mãn nhu cầu “thuộc về ai đó”).

- Mọi người học đều có thể thành công và được biểu dương cũng như các hình thức gia cố khác. Cần có cơ hội cho người học được bạn khác tôn trọng (nhu cầu được tôn trọng).

- Mọi người học đều cần có cơ hội bày tỏ tính cách cá nhân, tìm hiểu mối quan tâm của chính người học, có cơ hội sáng tạo... Tạo dựng sự tò mò và cơ hội để người học tự suy nghĩ (nhu cầu tự thoả mãn).

#### **4. Kết luận**

Thông qua việc tìm hiểu và phân tích các quan điểm, nội dung của hai trường phái tâm lý học nhận thức và tâm lý học nhân văn, có thể thấy tâm lý học nói chung và hai trường phái trên nói riêng đã có những vai trò tích cực trong quá trình giáo dục người học, tạo ra những thay đổi trong phương pháp cũng như tư duy của chính người dạy và người học, đưa ra những cách nhìn nhận tiến bộ về các vấn đề

giáo dục để triển khai phù hợp và hiệu quả. Tóm lại, các quan điểm của trường phái tâm lý học nhận thức và tâm lý học nhân văn đã góp phần tạo ra những nguyên tắc hỗ trợ tích cực trong quá trình giáo dục người học. Bản thân các trường phái này cũng như lĩnh vực tâm lý học đang được lĩnh hội và tiếp thu ngày càng rộng rãi, là cơ sở để xây dựng những nguyên tắc giáo dục ngày càng phù hợp và được sự hưởng ứng tích cực từ người học nhiều hơn. ■

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Trần Thành Nam. *Bài giảng Tâm lý học dạy học đại học*.
2. Nguyễn Văn Tường. (2010) *Chuyên đề Tâm lý học nhận thức*. Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý trẻ em.
3. Nguyễn Xuân Thúc. (2007). *Giáo trình tâm lý học đại cương*. Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Abraham Maslow. (1943). *Tháp nhu cầu của Maslow*. <[https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1p\\_nhu\\_c%E1%BA%A7u\\_c%E1%BB%A7a\\_Maslow#Nhu\\_c%E1%BA%A7u\\_sinh\\_l%C3%BD](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1p_nhu_c%E1%BA%A7u_c%E1%BB%A7a_Maslow#Nhu_c%E1%BA%A7u_sinh_l%C3%BD)>

**Ngày nhận bài: 10/4/2021**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/5/2021**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 30/5/2021**

*Thông tin tác giả:*

**ThS. PHAN Y LAN**

**Viện Kinh tế và Quản lý - Đại học Bách khoa Hà Nội**

## **ANALYZING THEORIES OF COGNITIVE PSYCHOLOGY AND HUMANISTIC PSYCHOLOGY, AND PRINCIPLES FOR EDUCATIONAL ACTIVITIES**

● Master. **PHAN Y LAN**

School of Economics and Management, Hanoi University of Science and Technology

#### **ABSTRACT:**

It is necessary to understand the psychology, needs and desires of learners to conduct teaching activities effectively at schools. Studying learning processes, from a cognitive and behavioral point of view, enables researchers to understand individual differences in intelligence, cognitive development, influence, motivation, and self-efficacy, and their roles in learning processes of learners. Educational psychology has been developed on theories of operant conditioning, functionalism, structuralism, constructivism, cognitive psychology, and humanistic psychology, on Jean Piaget's theory and information processing. This paper analyzes two theories of cognitive psychology (typically the Jean Piaget's theory of cognitive development) and the theory of humanistic psychology (typically the Maslow's hierarchy of needs). This paper presents some conclusions and principles which could be applied in educational activities.

**Keywords:** cognitive psychology, humanistic psychology, Jean Piaget's theory, Maslow's hierarchy of needs, education.